

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚ LẠC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 36/QĐ-UBND

Phú Lạc, ngày 03 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách xã năm 2024.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ LẠC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ vào luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ- HĐND ngày 29/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lạc về việc phê chuẩn dự toán và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã Phú Lạc năm 2024;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Phú Lạc năm 2024.

Công khai số liệu: *Biểu số 113/CK TC- NSNN, Biểu số 114/CK TC- NSNN, Biểu số 115/CK TC- NSNN kèm theo*

**Điều 2:** Hình thức công khai: Tại hội nghị họp cơ quan ngày 03/02/2025, dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Phú Lạc, niêm yết tại nhà văn hóa 18 xóm, công khai trên hệ thống loa truyền thanh của xã, công khai trên cổng thông tin điện tử của xã.

Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Văn hóa - thông tin UBND xã, các ông và trưởng xóm và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy, HĐND ( B/c);
- UB MTTQ, các đoàn thể;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, kế toán.

**CHỦ TỊCH**

**Triệu Văn Tùng**

## CÔNG KHAI

### Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 03/02/2025 của UBND xã Phú Lạc

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ vào luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lạc về việc phê chuẩn dự toán và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã Phú Lạc năm 2024;

UBND xã Phú Lạc thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024 theo các nội dung sau:

#### **1. Cân đối ngân sách xã năm 2024** (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 12.293.194.123 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 48.569.551 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 150.510.144 đồng

+ Thu bổ sung: 11.478.143.821 đồng

+ Thu kết dư: 50.097.880 đồng

+ Thu chuyển nguồn: 565.872.727

- Tổng số chi 11.107.810.370 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 1.580.058.971 nghìn đồng

+ Chi thường xuyên: 9.527.751.399 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 0 đồng

**2. Ước thực hiện thu ngân sách xã năm 2024** (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã năm 2024: 12.293.194.123 đồng. Thu cân đối trên địa bàn xã năm 2024 thực hiện là: 199.079.695 đồng

Thu kết dư ngân sách năm 2023 chuyển sang: 50.097.880 đồng.

**3. Ước thực hiện chi ngân sách xã năm 2024** (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã năm 2024 là: 11.107.810.370 đồng.

*Trong đó:* + Chi đầu tư phát triển: 1.580.058.971 đồng

+ Chi thường xuyên: 9.527.751.399 đồng

**4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024**

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2024 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách năm 2024 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024 của UBND xã Phú Lạc.

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>7.825.000.000</b>	<b>12.293.194.123</b>	<b>157,10</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	65.000.000	48.569.551	74,72
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	107.000.000	150.510.144	140,66
3	Thu bổ sung	<b>7.426.000.000</b>	<b>11.478.143.821</b>	<b>154,57</b>
	- Thu bổ sung cân đối	6.081.000.000	6.049.700.344	99,49
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.345.000.000	5.428.443.477	0,00
4	Thu chuyển nguồn	227.000.000	565.872.727	249,28
5	Thu kết dư		50.097.880	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>7.825.000.000</b>	<b>11.107.810.370</b>	<b>141,95</b>
1	Chi đầu tư phát triển		1.580.058.971	
2	Chi thường xuyên	7.488.000.000	9.527.751.399	127,24
3	Dự phòng	110.000.000		
4	Tiết kiệm chi 10%	0		
5	Thu chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	227.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>8.063.000.000</b>	<b>7.825.000.000</b>	<b>12.526.915.634</b>	<b>12.293.194.123</b>	<b>155,36</b>	<b>157,10</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>52.078.886</b>	<b>48.569.551</b>	<b>96,44</b>	<b>89,94</b>
	Phí, lệ phí	31.000.000	31.000.000	35.942.000	35.942.000	<b>115,94</b>	<b>115,94</b>
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	23.000.000	23.000.000	16.136.886	12.627.551	<b>70,16</b>	<b>54,90</b>
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>356.000.000</b>	<b>118.000.000</b>	<b>380.722.320</b>	<b>150.510.144</b>	<b>106,94</b>	<b>127,55</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>68.000.000</b>	<b>68.000.000</b>	<b>83.605.676</b>	<b>83.605.676</b>	<b>122,95</b>	<b>122,95</b>
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			21.834.440	21.834.440		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	0	0	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	57.000.000	57.000.000	61.771.236	61.771.236	<b>108,37</b>	<b>108,37</b>
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>288.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>297.116.644</b>	<b>66.904.468</b>	<b>103,17</b>	<b>133,81</b>
	Thuế GTGT hộ khoán cố định	50.000.000	50.000.000	69.692.152	66.904.468	<b>139,38</b>	<b>133,81</b>
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	213.000.000		191.861.895		<b>90,08</b>	
	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	25.000.000		35.562.597		<b>142,25</b>	
	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công			0			
<b>3</b>	<b>Thu tiền cấp quyền sử dụng đất</b>			<b>0</b>			
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>227.000.000</b>	<b>227.000.000</b>	<b>565.872.727</b>	<b>565.872.727</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>50.097.880</b>	<b>50.097.880</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7.426.000.000</b>	<b>7.426.000.000</b>	<b>11.478.143.821</b>	<b>11.478.143.821</b>	<b>154,57</b>	<b>154,57</b>
	- Thu bổ sung cân đối	6.081.000.000	6.081.000.000	6.049.700.344	6.049.700.344	<b>99,49</b>	<b>99,49</b>
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.345.000.000	1.345.000.000	5.428.443.477	5.428.443.477		

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>7.825.000</b>		<b>7.825.000</b>	<b>11.107.809,4</b>	<b>1.580.058</b>	<b>9.527.751,4</b>	<b>141,95</b>		<b>121,76</b>
	<b>Trong đó</b>									
1	Chi giáo dục	0		0	0		0	0,00		0,00
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
3	Chi y tế	116.640		116.640	129.332	0	129.332	110,88		110,88
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	235.421		235.421	672,63		672,63
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0		0	0,00		0,00
6	Chi thể dục thể thao	25.000		25.000	81.806,000		81.806	327,22		327,22
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế, giao thông	35.000		35.000	1.978.222	1.580.058	398.164	0,00		1.137,6
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.159.836		7.159.836	8.564.871		8.564.871	119,62		119,62
10	Chi cho công tác xã hội	116.524		116.524	118.157,0		118.157,0	101,40		101,40
11	Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang	227.000		227.000	0		0			
12	Dự phòng ngân sách	110.000		110.000	0		0			0,00
13	Tiết kiệm chi 10%	0		0	0		0			0